

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-6-2020

V/v: Ly hôn giữa anh C, chị V

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Công Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Ông Nguyễn Văn Quỳ

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên;

Ngày 29-6-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-6-2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu tại: Xóm 2 T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định;  
nơi cư trú tại: Số nhà 9 đường L, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

***2. Bị đơn:*** Chị Mai Thị V, sinh năm 1989

Nơi đăng ký hộ khẩu tại: Xóm 2 T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định;  
nơi cư trú tại: Số nhà 9 đường L, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa anh C, chị V có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là phường L), thành phố N. Sau kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp nhau, thường xảy ra những

xung đột, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã được hai bên gia đình khuyên giải. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nam K, sinh ngày 14-7-2016 và Trần Nam P, sinh ngày 04-3-2018. Nếu ly hôn anh mong muốn được nuôi cháu Trần Nam K. Nhưng nếu chị V nhận nuôi cả hai con thì anh cũng đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con chị Vui yêu cầu như thế nào anh cũng đồng ý.

Về tài sản, nhà đất và công nợ chung và các loại tài sản khác: Anh C không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận điều kiện kết hôn như anh C trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo chị vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, cũng không đánh chửi nhau. Hiện tại chị vẫn còn yêu thương chồng và không muốn con mất đi tổ ấm gia đình để các con sống cùng bố và mẹ. Chị mong vợ chồng hòa giải để đoàn tụ. Còn nếu anh Cường vẫn cương quyết xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nam K, sinh ngày 14-7-2016 và Trần Nam P, sinh ngày 04-3-2018. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con chung. Không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản, nhà đất và công nợ chung và các loại tài sản khác: Chị V không yêu cầu giải quyết;

Tổ trưởng tổ dân phố số 4, phường L, thành phố Nam Định xác nhận vợ chồng anh C và chị V có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân cụ thể không nắm được, vợ chồng hiện không sống cùng nhau và đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa anh C và chị V; giao hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị V tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N nên là hôn nhân hợp

pháp. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, anh C cho rằng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xảy ra những xung đột, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chính vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9-2018 đến nay; chị V cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ do trong cuộc sống chị hay nói nhiều, chị V cũng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân như anh C trình bày, nhưng chị không muốn ly hôn, nhưng nếu anh C vẫn cương quyết xin ly hôn thì chị cũng đồng ý. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để hai bên khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung; tuy nhiên anh C vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị V. Chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng anh C và chị V hiện nay không sống cùng nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử lý hôn giữa anh C và chị V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh C và chị V có hai con chung là Trần Nam K, sinh ngày 14-7-2016 và Trần Nam P, sinh ngày 04-3-2018. Chị V trình bày hai con ở với chị từ khi sinh ra đến nay nên xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh C có nguyện vọng mỗi người trực tiếp nuôi một con. Nhưng nếu chị V xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung thì anh cũng đồng ý. Xét thấy các cháu còn nhỏ từ trước đến nay sống cùng chị V nên để đảm bảo sự ổn định về mọi mặt cho các cháu và cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy giao cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là phù hợp với các quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con chị V tự nguyện không yêu cầu anh C không vi phạm đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[3] Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Anh C, chị V không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Trần Ngọc C và chị Mai Thị V;

2. Về con chung: Giao chị Mai Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Trần Nam P, sinh ngày 04-3-2018 và Trần Nam K, sinh ngày 14-7-2016. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mai Thị V không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Ngọc C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Ngọc C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002892 ngày 08-5-2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Nam Định.

4. Anh Trần Ngọc C, chị Mai Thị V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Lộc Hòa;
- UBND phường Lộc Vượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Công Khánh**